

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ LẠNG SƠN
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2023/HNGĐ-ST

Ngày 26-5-2023

V/v Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LẠNG SƠN, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hứa Thị Thanh Xuyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đoàn Văn Xây.

Bà Đặng Thị Lan Anh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Dương Hữu Hà - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Kỳ Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 68/2023/TLST-HNGĐ ngày 13/4/2023 về việc Ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 12/5/2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Đinh Thúy T; sinh năm 1965; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Số *, ngõ *, đường N, phường Đ, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

- *Bị đơn:* Ông Phùng Mạnh T1; sinh năm 1964; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số *, ngõ *, đường N, phường Đ, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; chỗ ở: Thôn B, xã H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và tại bản khai nguyên đơn bà Đinh Thúy T trình bày: Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Phùng Mạnh T1 được tự do tìm hiểu trước khi cưới khoảng 02 năm. Ngày 16/10/1987 âm lịch, bà và ông Phùng Mạnh T1 tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán nhưng đến nay không đăng ký kết hôn. Sau khi cưới, vợ chồng chung sống hạnh phúc được mấy năm đầu. Mấy năm sau, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống. Vợ chồng đã ly thân từ tháng 3/2022 đến nay. Bà xác định không còn tình cảm và không thể chung sống với ông Phùng Mạnh T1 được nữa nên yêu cầu được ly hôn với ông Phùng Mạnh T1. Về con chung: Bà và ông Phùng Mạnh T1 có 02 con chung là Phùng Thị Minh T2, sinh năm 1988 và Phùng Mạnh T3, sinh năm 1991, các con đều đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Không có.

Tại bản khai bị đơn ông Phùng Mạnh T1 trình bày: Về quan hệ hôn nhân, ông và bà Đinh Thúy T tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán vào ngày 16/10/1987, đến nay không đăng ký kết hôn. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Từ năm 2021 vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng. Vợ chồng đã ly thân từ tháng 4/2022 đến nay. Ông xác định tình cảm vợ chồng không còn nên bà Đinh Thúy T xin ly hôn, ông nhất trí. Về con chung: Vợ chồng ông có 02 con chung đều đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Không có.

Cả nguyên đơn và bị đơn đều vắng mặt tại phiên tòa, đều có đề nghị xét xử vắng mặt.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu về việc chấp hành pháp luật: Trong quá trình giải quyết vụ án, từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật; nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật, nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa nhưng đều đã có bản khai và có đề nghị xét xử vắng mặt. Về nội dung vụ án: Về quan hệ hôn nhân: Bà Đinh Thúy T và ông Phùng Mạnh T1, chung sống với nhau từ ngày 16/10/1987 (âm lịch) đến nay không đăng ký kết hôn theo quy định tại điểm a mục 3 Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội về việc thi hành Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 không công nhận quan hệ giữa bà Đinh Thúy T và ông Phùng Mạnh T1 là vợ chồng. Các nội dung khác: Về con chung: Đều đã trưởng thành nên không đề cập giải quyết; về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết; về nợ chung: Không có. Về án phí: Bà Đinh Thúy T phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn bà Đinh Thúy T và bị đơn ông Phùng Mạnh T1 đều vắng mặt tại phiên tòa, đều có đề nghị xét xử vắng mặt. Nguyên đơn, bị đơn đều đã có bản khai, sự vắng mặt của nguyên đơn và bị đơn tại phiên tòa không ảnh hưởng đến việc xét xử. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Cả bà Đinh Thúy T và ông Phùng Mạnh T1 đều thừa nhận: Ngày 16/10/1987, bà Đinh Thúy T và ông Phùng Mạnh T1 tổ chức lễ cưới theo phong tục truyền thống và về chung sống với nhau từ đó đến đầu năm 2022 thì ly thân, mặc dù cả hai có đủ điều kiện kết hôn nhưng đến nay vẫn không đăng ký kết hôn. Tại khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân gia đình quy định: *"Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định... Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý"*, tại khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân gia đình quy định: *"Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung"*

sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ và chồng"; tại khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân gia đình quy định: "Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật này". Do đó, việc bà Đinh Thúy T và ông Phùng Mạnh T1 tổ chức lễ cưới và sống chung như vợ chồng từ ngày 16/10/1987 (âm lịch), hai bên đủ điều kiện kết hôn nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật nên không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Nay, bà Đinh Thúy T yêu cầu ly hôn với ông Phùng Mạnh T1, Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ giữa bà Đinh Thúy T với ông Phùng Mạnh T1 là vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Bà Đinh Thúy T và ông Phùng Mạnh T1 có 02 con chung là Phùng Thị Minh T2, sinh năm 1988 và Phùng Mạnh T3, sinh năm 1991, các con chung đều đã thành niên, nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét, giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Hai bên đương sự đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét, giải quyết.

[5] Về nợ chung: Hai bên đương sự đều trình bày không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí: Bà Đinh Thúy T là nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[7] Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lạng Sơn về việc giải quyết vụ án là có căn cứ pháp luật, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại các Điều 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228 Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Đinh Thúy T với ông Phùng Mạnh T1.

2. Về con chung: Có 02 con chung đều đã thành niên.

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có.

5. Về án phí: Bà Đinh Thúy T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm để nộp vào ngân sách Nhà nước. Xác nhận Bà Đinh Thúy T đã nộp đủ theo Biên lai nộp tạm ứng án phí số AA/2021/0001274 ngày 11 tháng 4 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn bà Đinh Thúy T, bị đơn ông Phùng Mạnh T1 vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND thành phố Lạng Sơn;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS thành phố Lạng Sơn;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hứa Thị Thanh Xuyên